

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2019/DS-ST**

Ngày: 03/5/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
+ nợ hui”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

- Thư ký phiên tòa: Ông M Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2018/TLST-DS ngày 04/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019

giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Giang Thúy Ph**, sinh năm 1967; nơi cư trú: khu phố B, phường PK, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Châu T, sinh năm 1952 - Hội viên Hội luật gia tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Phan Ngọc M**, sinh năm 1968; nơi cư trú: khu phố K, phường T, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1964; nơi cư trú: khu phố K, phường T, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn và nguyên đơn bà Ph trình bày:

Trước đây bà Ph có cho bà M mượn tiền và chơi hụi do bà làm chủ, cụ thể:

- Bà có cho bà M vay tiền nhiều lần tổng số tiền vay là 108.600.000 đồng.
- Hụi 5.000.000đồng/ tháng khai ngày 28/4 năm 2014Al, gồm 12 phần, bà M chơi 01 phần, bà M hốt thứ 2 được 30.400.000đồng còn phải đóng lại 10 phần chết với số tiền là 50.000.000 đồng
- Hụi 1.000.000đồng/10 ngày; khai vào các ngày 15, 25, và 05/4/2014 Al, gồm 21 phần, bà M chơi 02; bà M phần hốt thứ 1 và 2 được 23.000.000đồng còn phải đóng lại số tiền là 30.000.000 đồng
- Hụi 300.000đồng/tuần khai vào ngày 01/4/2014 Al, gồm 35 phần, bà M chơi 02 phần, bà M hốt lần thứ 4 và thứ 9 được 12.250.000đồng còn phải đóng lại số tiền là 7.200.000 đồng

Tổng cộng số tiền vay và tiền hụi bà M còn thiếu nợ lại bà là: 195.800.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng). Bà M có làm giấy xác nhận nợ các khoản tiền trên do bà M ký tên vào ngày 21/02/2014.

Nay bà Ph yêu cầu bà M và ông T có trách nhiệm trả cho bà số tiền trên và không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn bà M:** vắng mặt

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T trình bày:**

Ông thừa nhận chữ ký và tên viết dưới chữ ký là của vợ ông tên Phan Ngọc M. Các khoản tiền ghi trong giấy ông không biết cụ thể. Ông biết vợ ông có nợ bà Ph tiền vay và tiền hụi còn số tiền cụ thể ông không biết. Vợ ông vay mượn tiền của bà Ph cho người khác vay lại nhưng do bị người khác giật nên không có tiền để trả lại. Vợ ông có dùng số tiền lời chi tiêu một số vấn đề cần thiết trong gia đình. Nếu bà Ph đồng ý giảm 50% số tiền thì hàng tháng ông sẽ trích 10% lương (khoảng 600.000 đồng) để trả cho bà Ph. Nếu bà Ph không đồng ý giảm thì ông không chấp nhận trả vì số tiền quá lớn đối với ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời bà M, đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào các ngày 02 và 11/10/2018 bà Giang Thúy Ph có đơn khởi kiện yêu cầu bà Phan Ngọc M và ông Trần Văn T trả số tiền vay và tiền hụi là 195.800.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Bà M, ông T cư trú tại phường T, thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Phan Ngọc M, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời bà cũng không có người đại diện tham

gia phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Theo như bà Ph trình bày bà có cho bà M vay mượn số tiền 108.600.000 đồng và tiền nợ hui là 87.200.000 đồng, tổng cộng là 195.800.000 đồng. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui*” được quy định tại Điều 463 và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Tại tòa, bà Ph yêu cầu bà M phải trả số tiền là 195.800.000 đồng (trong đó tiền vay là 108.600.000 đồng và 87.200.000 đồng tiền nợ hui) Trong các giấy nhận nợ thể hiện rõ họ tên, số tiền đã nhận cũng như cam kết trả và đều ký tên Phan Ngọc M. Vì bà M cố tình vắng mặt tại tòa nên không thể tiến hành đối chất được để làm rõ số tiền nợ vay + hui giữa hai bên. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Ph buộc bà M có trách nhiệm trả cho bà Ph số tiền nêu trên.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ph yêu cầu ông T cùng liên đới trả nợ: Hội đồng xét xử nhận thấy ông T và bà M là vợ chồng. Ông T cũng thừa nhận chữ ký và tên viết dưới chữ ký là của vợ ông tên Phan Ngọc M cũng như việc vợ ông có nợ bà Ph tiền vay và tiền hui còn số tiền cụ thể ông không biết. Vợ ông có dùng số tiền lời chi tiêu một số vấn đề cần thiết trong gia đình... Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà M trả tiền cho bà Ph.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là 9.790.000 đồng (Chín triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) bà M, ông T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470; Điều 471 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định “Về Họ, hui, biểu, phường” ;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giang Thúy Ph; cụ thể tuyên:

Buộc bà Phan Ngọc M và ông Trần Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Giang Thúy Ph số tiền 195.800.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng)

Ghi nhận việc bà Ph không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi T án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.790.000đồng (Chín triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) bà M ông T phải nộp. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà Giang Thúy Ph số tiền 4.875.000đồng (Bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0021741 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tổng đạt được Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo hòa giải, xét xử cho bà Đặng Bích Ngọc ông Nguyễn Hoàng Giang do ông bà đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho chị Nguyễn Thị Thu biết nên được xem là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[6] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thu buộc bà Ngọc ông Giang liên đới trả cho bà Thu số tiền nợ vay + hụi là 152.400.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng). Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thanh Thúy Trần Thị Kim Mỹ

Nguyễn Duy Phong

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Thị Bé Em

Nguyễn Duy Phong

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hưng

Lý Thị Kim Ngân

Nguyễn Duy Phong